VietCredit	**TỜ TRÌNH** **V/v: Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát**	Số: 172/2022/VietCredit-TT Ngày: 08/04/2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

- *Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018;*
- *Căn cứ Điều lệ và Tổ chức hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Hướng dẫn Luật Chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2021 (sau đây gọi tắt là "Nghị định 155" và "Thông tư 116");*
- *Căn cứ Nghị quyết cuộc họp Ban kiểm soát số 529/2021/VietCredit-NQ ngày 29/11/2021;*

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 116 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định số 155 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán gồm mẫu Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát VietCredit đã rà soát và chỉnh sửa bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát số 457/2019/VietCredit-QC ngày 25 tháng 04 năm 2019 theo đúng quy định pháp luật hiện hành và được sự đồng ý của tất cả thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết cuộc họp Ban kiểm soát số 529/2021/VietCredit-NQ ngày 29/11/2021.

Trưởng Ban Kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit) phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát (theo Dự thảo đính kèm) và ủy quyền cho Trưởng Ban Kiểm soát ký ban hành Quy chế này.

Trân trọng kính trình!

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:
- Như kính trình;
- Lưu: VT, BKS, VPHĐQT.

M.S.D.N: 0102736770 C.T.C.P CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

TRẦN VIỆT PHƯƠNG

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT
Ký ngày: 5/5/2022 10:21:49

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

MỤC LỤC

I. TRANG KIỂM SOÁT 4
II. TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI 4
III. MỤC ĐÍCH 4
IV. PHẠM VI ÁP DỤNG 5
V. TÀI LIỆU LIÊN QUAN 5
VI. ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ 5
VII. NỘI DUNG 5
A. Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát 5
1. Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát 5
2. Nguyên tắc làm việc 6
3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 6
4. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát 6
5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát 7
6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ 8
7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 8
8. Cách thức bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát 9
9. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát 9
10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 10
11. Thay thế thành viên Ban kiểm soát 10
12. Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 11
13. Đình chỉ, tạm đình chỉ các thành viên Ban kiểm soát 11
B. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 12
1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 12
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát 14
3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát 15
4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 15
5. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 16
C. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát 16
1. Tần suất họp của Ban kiểm soát 16
2. Địa điểm họp, hình thức họp 17
3. Thông báo và chương trình họp 17
4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát 17
5. Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát 18

DỰ THẢO

6. Quyết định Ban kiểm soát 19
7. Biên bản họp 19
D. Báo cáo và công khai lợi ích 19
1. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 19
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác 20
3. Công khai các lợi ích liên quan 21
E. Mối quan hệ của Ban kiểm soát 21
1. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 21
2. Mối quan hệ với ban điều hành 22
3. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 22
4. Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với Kiểm toán nội bộ 22
VIII. PHỤ LỤC 22

DỰ THẢO

I. TRANG KIỂM SOÁT

Đơn vị	Họ tên	Chức vụ	Chữ ký
Đơn vị soạn thảo	Nguyễn Thị Việt Hằng	Phó phòng Kiểm toán nội bộ	
Đơn vị kiểm tra nội dung và nghiệp vụ	Bùi Thị Nhật Linh	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	
Phê duyệt	Trần Việt Phương	Trưởng Ban kiểm soát	

II. TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI

Lần sửa	Trang sửa	Nội dung sửa đổi	Ngày hiệu lực	Xem xét	Phê duyệt	Lý do soát xét thay đổi
00		Ban hành mới Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát	2008		Lê Văn Chung	
00		Ban hành thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát số .../2008/CFC-QC	25/04/2019	Nguyễn Thị Việt Hằng	Trần Việt Phương	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.
00		Ban hành thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát số 457/2019/VietCredit-QC	.../.../2022	Bùi Thị Nhật Linh	Trần Việt Phương	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

III. MỤC ĐÍCH

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, nguyên tắc và quy định hoạt động Ban kiểm soát theo quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

DỰ THẢO

IV. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.

V. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018;
- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại
- Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.

VI. ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ

1. **Công ty:** Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.
2. **Điều lệ:** Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.
3. **Đơn vị:** là các Phòng, Trung tâm và Chi nhánh/Phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty.
4. **Luật các Tổ chức tín dụng:** Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.
5. **Luật doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021.
6. **Người có liên quan, người quản lý, người điều hành, cổ đông, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn:** theo quy định tại Điều lệ Công ty.

VII. NỘI DUNG

A. Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

DỰ THẢO

2. Nguyên tắc làm việc

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

3.1. Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3.2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3.3. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

3.4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

4.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;

4.2. Có đạo đức nghề nghiệp;

4.3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Luật, Kế toán, Kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực Ngân hàng, Tài chính, Kế toán hoặc Kiểm toán;

4.4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty;

4.5. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

4.6. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

4.7. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

4.8. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

DỰ THẢO

4.9. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát Công ty:

5.1 Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

5.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

5.3 Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

5.4 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

5.5 Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

5.6 Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;

5.7 Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;

5.8 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

5.9 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;

5.10 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;

5.11 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại

DỰ THẢO

Điều 37 của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

5.12 Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;

5.13 Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

6. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

6.1. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

6.2. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Công ty.

7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

7.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ

DỰ THẢO

đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Mục A.7.1, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

8. Cách thức bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát

8.1. Việc bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát, của Công ty phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

8.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

8.4. Công ty phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

9. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

9.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định tại Mục VII.A.5 Quy chế này và Luật Tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e) Khi bị toà án trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

DỰ THẢO

f) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

g) Chức danh đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của thành viên Ban kiểm soát đương nhiên hết hiệu lực.

9.2. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Mục VII.A.9.1 Quy chế này, Hội đồng quản trị Công ty phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9.3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10.2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Mục VII.A.4 Quy chế này;

b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

10.3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

10.4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

10.5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Mục VII.A.10.2 và VII.A.10.3 ở trên, Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

11. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

11.1. Thành viên Ban kiểm soát sẽ đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Mục VII.A.9 và VII.A.10 của Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước.

DỰ THẢO

11.2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật) làm Trưởng Ban kiểm soát.

11.3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

11.4. Trong trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

12. Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

12.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu hoặc bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b) Trình độ học vấn;
c) Trình độ chuyên môn;
d) Quá trình công tác;
e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
g) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty trong từng thời kỳ;
h) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có);
i) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

12.2. Việc thông báo về kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

13. Đình chỉ, tạm đình chỉ các thành viên Ban kiểm soát

13.1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát vi phạm quy định tại Điều 34 Luật các Tổ chức

DỰ THẢO

tín dụng, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

13.2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Mục VII.A.13.1 ở trên phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.

B. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

1.2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

1.3. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.

1.5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.7. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.8. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

1.9. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc

DỰ THẢO

theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị, tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

1.11. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Công ty. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

1.12. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

1.13. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.14. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.15. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

1.16. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.17. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.18. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

1.19. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

DỰ THẢO

1.20. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

1.21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

1.22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1.24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

1.25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

2.1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Mục B.1 của Quy chế này.

2.2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát khác liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

2.3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

2.4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Mục B.1 của Quy chế này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

2.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

2.6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát khác.

2.8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát khác nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

2.9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát khác.

DỰ THẢO

2.10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

2.11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

3.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và của cổ đông.

3.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3.4. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

3.5. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

3.6. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

3.7. Được quyền yêu cầu cán bộ nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

3.8. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

3.9. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

3.10. Các nghĩa vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Tổ chức tín dụng và Điều lệ công ty.

3.11. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 3.1 đến 3.10 Mục này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

3.12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

4.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

DỰ THẢO

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

4.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và cán bộ nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

4.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

5. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

5.1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

5.2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5.3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Mục VII.B.1.11 và VII.B.1.12 ở trên sẽ được Công ty hoàn lại.

C. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

1. Tần suất họp của Ban kiểm soát

1.1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

1.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

1.3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

c) Trưởng Ban kiểm soát;

d) Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;

DỰ THẢO

e) Tổng Giám đốc;

f) Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

1.4. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1.3 Mục này. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp nếu Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết.

2. Địa điểm họp, hình thức họp

2.1. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty đối với hình thức họp tập trung

2.2. Hình thức họp: họp tập trung hoặc họp trực tuyến.

3. Thông báo và chương trình họp

3.1. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo mời họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3.2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo

DỰ THẢO

cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

5. Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát

5.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

5.2. Thành viên Ban kiểm soát có xung đột lợi ích tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

5.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

5.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 10 Điều 63 và điểm q Khoản 2 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng và/hoặc một hợp đồng được ký với doanh nghiệp được nêu tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

5.5. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. Đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì phải trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định.

DỰ THẢO

6. Quyết định Ban kiểm soát

6.1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

6.2. Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp

Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

6.3. Lấy ý kiến bằng văn bản

Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

7. Biên bản họp

Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

D. Báo cáo và công khai lợi ích

1. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

DỰ THẢO

1.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

1.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

1.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

1.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

1.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

1.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác;

1.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

1.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác

2.1. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát và mức thù lao mỗi ngày.

2.2. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

2.3. Tiền lương, thù lao, thưởng và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

DỰ THẢO

3. Công khai các lợi ích liên quan

3.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần xvốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3.2. Việc kê khai theo quy định tại Mục VII.D.3.1 ở trên phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

E. Mối quan hệ của Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

DỰ THẢO

2. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

3. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với Kiểm toán nội bộ

Ban kiểm soát của Công ty thực hiện giám sát đối với Kiểm toán nội bộ bao gồm:

4.1. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Kiểm toán viên nội bộ;

4.2. Giám sát Kiểm toán nội bộ trong việc:

a) Thực hiện kiểm toán nội bộ;

b) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của Kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;

c) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của Kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

VIII. PHỤ LỤC

Không có.

DỰ THẢO